**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

~~. .~~

***DỰ THẢO ngày 11.01.2019***

**LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG (SỬA ĐỔI)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Đầu tư công (sửa đổi) thay thế cho Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định việc quản lý nhà nước về đầu tư công; quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

**Điều 3. Áp dụng Luật Đầu tư công, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế**

1. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, hoạt động đầu tư công phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

3. Việc thực hiện chương trình, dự án đầu tư công tại nước ngoài tuân thủ các quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế giữa bên Việt Nam với bên nước ngoài***.***

**Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả***,*** ***dự kiến nguồn vốn và mức vốn*** của chương trình đầu tư công, dự án nhóm B, nhóm C làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

2. *Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả***,*** ***dự kiến nguồn vốn và mức vốn*** của dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

3. *Báo cáo nghiên cứu khả thi* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi, hiệu quả***, nguồn vốn và mức vốn*** của chương trình, dự án đầu tư công làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

4. *Bộ,* ***cơ quan trung ương*** *và địa phương* là cơ quan được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công, bao gồm:

a) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là bộ, cơ quan trung ương);

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

c) Cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội;

d) Cơ quan, tổ chức khác được giao kế hoạch đầu tư công.

5. *Chủ chương trình* là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý chương trình đầu tư công.

6. *Chủ đầu tư* là cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công.

7. *Chương trình đầu tư công* là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và ***danh mục dự án đầu tư công*** nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

8. *Chương trình mục tiêu quốc gia* là chương trình đầu tư công nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của từng giai đoạn cụ thể trong phạm vi cả nước.

9. *Cơ quan chủ quản* là bộ, ***cơ quan trung ương*** và địa phương quy định tại khoản 4 Điều này quản lý chương trình, dự án.

10. *Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công* là đơn vị có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đơn vị được giao quản lý đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương; phòng, ban có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

11. *Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công* bao gồm Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các cấp.

12. *Dự án đầu tư công* là ***dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công để thực hiện hoạt động đầu tư công.***

13. *Dự án* ***đầu tư công*** *khẩn cấp* là dự án đầu tư theo quyết định của cấp có thẩm quyền nhằm kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh và các trường hợp bất khả kháng khác.

***.***14. *Đầu tư công* là hoạt động đầu tư của Nhà nước vào các chương trình, dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đầu tư vào các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

15. *Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (gọi tắt là PPP)* là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ***dự án*** giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp ***dự án để xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý*** công trình hạ tầng, cung cấp dịch vụ công.

16. *Hoạt động đầu tư công* bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; ***tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, nghiệm thu, bàn giao chương trình, dự án đầu tư công;*** theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra, ***giám sát*** kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

17. *Kế hoạch đầu tư công* là một tập hợp các mục tiêu, định hướng, danh mục chương trình, dự án đầu tư công; cân đối nguồn vốn đầu tư công, phương án phân bổ vốn, các giải pháp huy động nguồn lực và triển khai thực hiện.

18. *Nợ đọng xây dựng cơ bản* là giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án (trừ dự án đầu tư công khẩn cấp) thuộc kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt ***cao hơn tổng mức vốn bố trí trong kế hoạch đầu tư trung hạn được cấp có thẩm quyền quyết định của chương trình, dự án.***

19. *Phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư công* là xác định quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động đầu tư công.

20. *Vốn đầu tư công* quy định tại Luật này gồm: ***Vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách để đầu tư theo hình thức đầu tư công hoặc đối tác công tư***.

21. *Vốn nhà nước ngoài ngân sách* là ***các nguồn vốn của các cơ quan, tổ chức nhà nước ở trung ương và địa phương được sử dụng để đầu tư nhưng chưa cân đối trong ngân sách nhà nước.***

22. *Vốn ngân sách trung ương* là ***các khoản chi của ngân sách nhà nước cho đầu tư được phân cấp cho cấp trung ương, thuộc nhiệm vụ chi cho đầu tư của cấp trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước***.

23. *Vốn ngân sách địa phương* là ***các khoản chi của ngân sách nhà nước cho đầu tư được phân cấp cho địa phương, thuộc nhiệm vụ chi cho đầu tư của cấp địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.***

24. *Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ bổ sung có mục tiêu* *cho các địa phương* là ***phần vốn của ngân sách trung ương được sử dụng để hỗ trợ các địa phương đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công và dự án PPP theo các nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền quyết định.***

25. *Chủ trương đầu tư* ***là quyết định của cấp có thẩm quyền về những nội dung chủ yếu của chương trình, dự án đầu tư, làm căn cứ để phê duyệt quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.***

***26.*** *Nhiệm vụ quy hoạch* ***là các hoạt động được thực hiện để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.***

***27.*** *Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư* ***là các hoạt động đểlập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án.***

**Điều 5. *Đối tượng* đầu tư công**

1. Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Đầu tư và hỗ trợ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội.

4. Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

***5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.***

***6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ và hỗ trợ các đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện.***

**Điều 6. Phân loại dự án đầu tư công**

1. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công được phân loại như sau:

a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư: xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;

b) Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản này.

2. Căn cứ mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B và dự án nhóm C theo tiêu chí quy định tại các điều 7, 8, 9 và 10 của Luật này.

**Điều 7. Tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia**

Dự án quan trọng quốc gia là dự án đầu tư độc lập hoặc cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau thuộc một trong các tiêu chí dưới đây:

1. Sử dụng vốn đầu tư công từ ***15.000 tỷ đồng*** trở lên;

2. Ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm:

a) Nhà máy điện hạt nhân;

b) Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 héc ta trở lên;

3. Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên;

4. Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác;

5. Dự án đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

**Điều 8. Tiêu chí phân loại dự án nhóm A**

Trừ các dự án quan trọng quốc gia quy định tại Điều 7 của Luật này, các dự án thuộc một trong các tiêu chí dưới đây là dự án nhóm A:

1. Dự án không phân biệt tổng mức đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) ***Dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật. Mức độ mật của dự án được xác định theo quy định của pháp luật;***

b) Dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ;

c) Dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, ***khu công nghệ cao, khu kinh tế***;

2. Dự án có tổng mức đầu tư từ ***3.400*** tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực sau đây:

a) Giao thông, bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ;

b) Công nghiệp điện;

c) Khai thác dầu khí;

d) Hóa chất, phân bón, xi măng;

đ) Chế tạo máy, luyện kim;

e) Khai thác, chế biến khoáng sản;

g) Xây dựng khu nhà ở;

3. Dự án có tổng mức đầu tư từ ***2.200*** tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực sau đây:

a) Giao thông, trừ các dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Thủy lợi;

c) Cấp thoát nước, ***xử lý rác thải*** và công trình hạ tầng kỹ thuật khác;

d) Kỹ thuật điện;

đ) Sản xuất thiết bị thông tin, điện tử;

e) Hóa dược;

g) Sản xuất vật liệu, trừ các dự án quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

h) Công trình cơ khí, trừ các dự án quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này;

i) Bưu chính, viễn thông;

4. Dự án có tổng mức đầu tư từ ***1.500*** tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực sau đây:

a) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

b) Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên;

c) Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới;

d) Công nghiệp, trừ các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

5. Dự án có tổng mức đầu tư từ ***1.200*** tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực sau đây:

a) Y tế, văn hóa, giáo dục;

b) Nghiên cứu khoa học, ***công nghệ thông tin,*** phát thanh, truyền hình;

c) Kho tàng;

d) Du lịch, thể dục thể thao;

đ) Xây dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà ở quy định tại điểm g khoản 2 Điều này;

**Điều 9. Tiêu chí phân loại dự án nhóm B**

1. Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư từ ***180*** tỷ đồng đến dưới ***3.400*** tỷ đồng.

2. Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư từ ***120*** tỷ đồng đến dưới ***2.200*** tỷ đồng.

3. Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư từ ***90*** tỷ đồng đến dưới ***1.500*** tỷ đồng.

4. Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 5 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư từ ***60*** tỷ đồng đến dưới ***1.200*** tỷ đồng.

**Điều 10. Tiêu chí phân loại dự án nhóm C**

1. Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới ***180*** tỷ đồng.

2. Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới ***120*** tỷ đồng.

3. Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới ***90*** tỷ đồng.

4. Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 5 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới ***60*** tỷ đồng.

**Điều 11. Điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công**

1. Quốc hội quyết định điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia quy định tại Điều 7 của Luật này.

2. Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công quy định tại các điều 8, 9 và 10 của Luật này và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

3. Việc điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện trong trường hợp chỉ số giá có biến động lớn hoặc có điều chỉnh lớn về phân cấp quản lý đầu tư công liên quan đến tiêu chí phân loại dự án đầu tư công hoặc xuất hiện các yếu tố quan trọng khác tác động tới tiêu chí phân loại dự án đầu tư công.

**Điều 12. Nguyên tắc quản lý đầu tư công**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

2. Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của đất nước ***và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.***

3. Thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

4. Quản lý việc sử dụng vốn đầu tư công theo đúng quy định đối với từng nguồn vốn; bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực; không để thất thoát, lãng phí.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư công.

6. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư hoặc đầu tư theo hình thức đối tác công tư vào dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công.

**Điều 13. Nội dung quản lý nhà nước về đầu tư công**

1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, quy hoạch, giải pháp, chính sách đầu tư công.

3. Theo dõi, cung cấp thông tin về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

4. Đánh giá hiệu quả đầu tư công; kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư công, việc tuân thủ kế hoạch đầu tư công.

5. Xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công.

6. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thành tích trong hoạt động đầu tư công.

7. Hợp tác quốc tế về đầu tư công.

**Điều 14. Công khai, minh bạch trong đầu tư công**

1. Nội dung công khai, minh bạch trong đầu tư công, bao gồm:

a) Chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công;

b) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công;

c) Nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

d) Quy hoạch, kế hoạch, chương trình đầu tư công trên địa bàn; vốn bố trí cho từng chương trình theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công;

đ) Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm; báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án tới địa bàn đầu tư;

e) Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm theo từng nguồn vốn, bao gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công bố trí cho từng dự án;

g) Tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư công;

h) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án;

i) Tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án theo từng nguồn vốn;

k) Kết quả nghiệm thu, đánh giá chương trình, dự án.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện việc công khai các nội dung đầu tư công theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Chi phí lập, thẩm định, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công**

1. Chi phí lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công sử dụng nguồn ***chi thường xuyên*** của cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ này.

2. Chi phí lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn chuẩn bị đầu tư của dự án.

3. Chi phí lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công sử dụng nguồn ***chi thường xuyên*** của cơ quan, đơn vị lập, thẩm định kế hoạch.

4. Chi phí theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án sử dụng ***nguồn chi thường xuyên*** của cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ này.

5. Chi phí thanh tra sử dụng nguồn ***chi thường xuyên*** của cơ quan, đơn vị thanh tra.

6. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, khuyến khích nhà tài trợ hỗ trợ tài chính để thanh toán các chi phí quy định tại Điều này.

**Điều 16. Các hành vi bị cấm trong đầu tư công**

1. Quyết định chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; không đúng thẩm quyền; không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đúng với ***các nội dung về mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư của*** chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Quyết định điều chỉnh tổng vốn đầu tư của chương trình, tổng mức đầu tư của dự án trái với quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, vụ lợi, tham nhũng trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

4. Chủ chương trình, chủ đầu tư thông đồng với tổ chức tư vấn dẫn tới quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án gây thất thoát, lãng phí vốn, tài sản của Nhà nước, tài nguyên của quốc gia; làm tổn hại, xâm phạm lợi ích của công dân và của cộng đồng.

5. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

6. Yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt, gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

7. Sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, không đúng đối tượng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.

8. Làm giả, làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.

9. Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không đúng, không trung thực, không khách quan ảnh hưởng đến việc lập, thẩm định, quyết định kế hoạch, chương trình, dự án.

10. Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không đúng, không trung thực, không khách quan ảnh hưởng đến việc theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án.

11. Cố ý hủy hoại, lừa dối, che giấu hoặc lưu giữ không đầy đủ tài liệu, chứng từ, hồ sơ liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.

12. Cản trở việc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư công.

**Chương II**

**CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG**

**Mục 1**

**LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ**

**Điều 17. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án**

1. Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sau đây:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Dự án quan trọng quốc gia.

2. Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ***chương trình đầu tư công sử dụng vốn ngân sách trung ương trừ các chương trình, dự án quy định tại Khoản 1 Điều này***.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A ***sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn nhà nước ngoài ngân sách do các bộ, cơ quan trung ương quản lý và các dự án quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật này.***

4. Người đứng đầu các bộ, cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C, sử dụng ***vốn đầu tư công*** do cơ quan mình quản lý.

5. ***Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương, vốn nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý,*** trừ dự án quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật này.

6. Hội đồng nhân dân các cấp:

***a) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương, vốn nhà nước ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương thuộc cấp mình quản lý;***

***b) Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân cấp xã có thể báo cáo Hội đồng nhân dân cấp huyện; Hội đồng nhân dân cấp huyện báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương, vốn nhà nước ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương;***

***c) Trường hợp chương trình sử dụng nhiều nguồn vốn thuộc các cấp quản lý khác nhau, Hội đồng nhân dân cấp cao nhất có vốn thuộc cấp mình quản lý tham gia đầu tư chương trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình.***

7. Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc cấp mình quản lý, trừ các dự án quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

***b) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp dưới có thể báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên để quyết định chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 7 Điều này;***

***c) Trường hợp dự án sử dụng nhiều nguồn vốn thuộc các cấp quản lý khác nhau, Ủy ban nhân dân cấp cao nhất có vốn thuộc cấp mình quản lý tham gia đầu tư dự án quyết định chủ trương đầu tư dự án.***

**Điều 18. Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án**

1. Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

2. Không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư.

3. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác đối với các chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn.

4. Phù hợp với khả năng vay, trả nợ công, nợ Chính phủ và nợ chính quyền địa phương.

5. Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

***6. Các dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư:***

***a) Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;***

***b) Nhiệm vụ quy hoạch;***

***c) Dự án đầu tư công khẩn cấp;***

***d) Dự án thuộc danh mục của chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư toàn bộ chương trình.***

**Điều 19. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia**

1. Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án có trách nhiệm:

a) Giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình mục tiêu quốc gia, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án quan trọng quốc gia;

b) Giao đơn vị có chức năng thẩm định hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

c) Hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Chủ tịch để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia.

3. Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia.

4. Cơ quan của Quốc hội thẩm tra hồ sơ về chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia do Chính phủ trình.

5. Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia. Nội dung Nghị quyết của Quốc hội ghi rõ mục tiêu, quy mô, tổng vốn đầu tư, công nghệ chính, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện***,*** cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

**Điều 20. Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia**

1. Tờ trình của Chính phủ.

2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình mục tiêu quốc gia, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án quan trọng quốc gia.

3. Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước.

4. Tài liệu khác có liên quan.

**Điều 21. Thủ tục và nội dung thẩm tra chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia**

1. Thủ tục thẩm tra như sau:

a) Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội;

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra có quyền yêu cầu Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về những vấn đề thuộc nội dung chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; tổ chức khảo sát thực tế về những vấn đề thuộc nội dung chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan chủ trì thẩm tra yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra.

2. Nội dung thẩm tra bao gồm:

a) Sự đáp ứng tiêu chí xác định chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;

b) Sự cần thiết đầu tư chương trình, dự án;

c) Việc tuân thủ các quy định của pháp luật;

d) Sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ***và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch***;

đ) Những thông số cơ bản của chương trình, dự án, bao gồm mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường, nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay;

e) Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững;

g) Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên, phương án di dân, tái định canh, định cư đối với dự án quan trọng quốc gia đầu tư trong nước;

h) Đánh giá mức độ rủi ro tại quốc gia đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia đầu tư ra nước ngoài.

**Điều 22. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chính phủ**

1. Chủ chương trình có trách nhiệm:

a) Giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

b) Giao đơn vị có chức năng thẩm định hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

c) Hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng liên ngành hoặc giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

3. Chủ chương trình hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này trình Chính phủ.

4. Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, thời gian, tiến độ, ***dự kiến kế hoạch bố trí vốn,*** cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

**Điều 23. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ**

1. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm:

a) Giao đơn vị trực thuộc tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

b) Giao đơn vị có chức năng thẩm định hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

c) Chỉ đạo đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc giao cho một cơ quan chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

***Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc cơ quan chủ trì thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở cho việc thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.***

3. Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc cơ quan chủ trì thẩm định quy định tại ***khoản 2*** Điều này gửi ý kiến thẩm định để bộ, ***cơ quan trung ương*** và địa phương hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình Thủ tướng Chính phủ.

***4***. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, ***dự kiến kế hoạch bố trí vốn***.

**Điều 24. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

***1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:***

***a) Giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;***

***b) Thành lập Hội đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch Hội đồng, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công là Thường trực Hội đồng thẩm định và các cơ quan liên quan là thành viên để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;***

***c) Chỉ đạo cơ quan quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến thẩm định quy định tại điểm b khoản này báo cáo Hội đồng nhân dân;***

***2. Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện***, ***dự kiến kế hoạch bố trí vốn.***

**Điều 25. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài**

1. Căn cứ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của đất nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ xây dựng định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

2. Trên cơ sở định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, nhu cầu huy động, điều kiện cung cấp vốn của nhà tài trợ, cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ***Bộ Tài chính*** đề nghị tài trợ kèm theo Đề xuất chương trình, dự án.

***3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan đánh giá sự cần thiết của chương trình, dự án, đánh giá sơ bộ tính khả thi, hiệu quả kinh tế, xã hội, xác định thành tố ưu đãi, đánh giá tác động của khoản vay ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đối với các chỉ tiêu an toàn nợ công, xác định cơ chế tài chính trong nước, sơ bộ tác động môi trường (nếu có) và tác động của chương trình, dự án đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn, lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án phù hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.***

***4. Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án.***

5. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại các điều 19, 20 và 21 của Luật này.

6. Đối với chương trình thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chính phủ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Luật này.

7. Đối với dự án nhóm A, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật này.

8. Đối với chương trình, dự án không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này:

a) Cơ quan chủ quản lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan về chủ trương đầu tư;

b) Căn cứ ý kiến của các cơ quan, cơ quan chủ quản tổ chức thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư.

***9. Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại không phải lập Đề xuất dự án.***

**Điều 26. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do các bộ, cơ quan trung ương quản lý**

1. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm:

a) Giao đơn vị trực thuộc tổ chức lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

b) Giao đơn vị có chức năng thẩm định hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, ***nguồn vốn và khả năng cân đối vốn***;

c) Chỉ đạo đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. Căn cứ ý kiến thẩm định quy định tại khoản 1 Điều này, người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, ***dự kiến kế hoạch bố trí vốn***.

**Điều 27. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

a) Giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

b) Thành lập Hội đồng hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

c) Chỉ đạo cơ quan quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

***2. Đối với dự án sử dụng vốn hỗn hợp thuộc nhiều cấp ngân sách khác nhau:***

***a) Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án.***

***b) Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp huyện, xã thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với nguồn vốn ngân sách địa phương thuộc cấp mình quản lý, gửi Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án.***

***3. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn.***

**Điều 28. Chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài**

Nguyên tắc, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ.

**Điều 29. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án theo hình thức đối tác công tư**

***Trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.***

**Điều 30. Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công**

Nội dung chủ yếu của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công bao gồm:

1. Sự cần thiết của chương trình để thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ***và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch***.

2. Mục tiêu, phạm vi và quy mô chương trình;

3. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện chương trình, bao gồm danh mục dự án, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công, huy động các nguồn vốn và nguồn lực khác;

4. Dự kiến ***kế hoạch bố trí vốn và*** tiến độ thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả;

5. Xác định chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành sau khi chương trình kết thúc;

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ những ảnh hưởng, tác động về môi trường, xã hội của chương trình, tính toán hiệu quả đầu tư về mặt kinh tế - xã hội của chương trình;

7. Phân chia các dự án thành phần của chương trình theo quy định của pháp luật;

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

**Điều 31. Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A**

1. Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Nội dung chủ yếu của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng bao gồm:

a) Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với ***quy hoạch có liên quan theo pháp luật về quy hoạch***, kế hoạch đầu tư;

b) Dự báo nhu cầu, phạm vi phục vụ và dự kiến mục tiêu đầu tư, quy mô và hình thức đầu tư;

c) Khu vực, địa điểm đầu tư, dự kiến nhu cầu diện tích sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài nguyên khác;

d) Phân tích, lựa chọn sơ bộ về công nghệ, kỹ thuật và các điều kiện cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu, năng lượng, dịch vụ, hạ tầng;

đ) Phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư;

e) Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư, biện pháp bảo vệ môi trường;

g) Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường xã hội.

h) Xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn;

i) Xác định sơ bộ chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án;

k) Dự kiến tiến độ thực hiện dự án, phân chia giai đoạn đầu tư;

l) Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội của dự án;

m) Phân chia các dự án thành phần hoặc tiểu dự án (nếu có);

n) Các giải pháp tổ chức thực hiện;

**Điều 32. Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C**

Nội dung chủ yếu của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C bao gồm:

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với ***quy hoạch có liên quan theo pháp luật về quy hoạch***, kế hoạch đầu tư;

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư;

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án;

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, ***dự kiến kế hoạch bố trí vốn*** phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả;

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành;

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, ***xã hội***; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;

7. Phân chia các dự án thành phần (nếu có);

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện;

**Điều 33. Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án**

Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án thực hiện theo quy định của Chính phủ.

**Điều 34. Phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Dự án quan trọng quốc gia;

c) Chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

d) Dự án đầu tư công do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

***2. Bộ, cơ quan trung ương giao cơ quan, đơn vị chuyên môn quản lý đầu tư công chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cơ quan mình quản lý trừ các dự án được quy định tại khoản 1 điều này.***

***3. Ủy ban nhân dân các cấp giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý trừ các dự án được quy định tại khoản 1 điều này.***

**Điều 35. Điều chỉnh chủ trương đầu tư**

***1. Thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư:***

***a) Tổ chức, cá nhân nào quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì tổ chức, cá nhân đó có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó;***

***b) Trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư làm tăng quy mô hoặc thay đổi nội dung quyết định chủ trương đầu tư ban đầu dẫn đến thay đổi phân loại chương trình, dự án, cấp có thẩm quyền tương ứng với phân loại chương trình, dự án sau điều chỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó phù hợp với các quy định tại Điều 17 của Luật này.***

***2. Trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư:***

***a) Đối với dự án quan trọng quốc gia, thực hiện theo quy định tại các điều 19, 20 và 21 của Luật này;***

***b) Đối với dự án nhóm A, thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Luật này;***

***c) Đối với dự án nhóm B, nhóm C do bộ, cơ quan trung ương quản lý, thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Luật này;***

***d) Đối với dự án nhóm B, nhóm C do Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật này;***

***đ) Chính phủ hướng dẫn hồ sơ trình quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.***

**Mục 2**

**LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN**

**ĐẦU TƯ CÔNG**

**Điều 36. Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án**

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;

b) ***Chương trình đầu tư công*** đã được Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

2. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương:

a) Quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng ***vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quản lý***;

b) Được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B, nhóm C quy định tại điểm a và điểm b khoản này cho cơ quan ***trực thuộc***.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định đầu tư chương trình sử dụng toàn bộ ***vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh, và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp tỉnh để đầu tư***;

b) Quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Quyết định đầu tư chương trình sử dụng ***toàn bộ vốn ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp huyện, cấp xã để đầu tư***.

b) Quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng ***toàn bộ ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp huyện, cấp xã để đầu tư***;

**Điều 37. Căn cứ lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án**

1. Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

2. ***Quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.***

3. Sự cần thiết của chương trình, dự án.

4. Mục tiêu của chương trình, dự án.

5. Chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Khả năng huy động và cân đối nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác để thực hiện chương trình, dự án.

**Điều 38. Trình tự lập, thẩm định, quyết định chương trình mục tiêu quốc gia**

1. Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Quốc hội quyết định, chủ chương trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Chủ tịch Hội đồng để thẩm định chương trình.

3. Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật này.

4. Căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước, chủ chương trình hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi và dự thảo Quyết định chương trình gửi Hội đồng thẩm định nhà nước xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

5. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**Điều 39. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư**

1. Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Chính phủ quyết định, chủ chương trình lập chương trình và tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật này.

3. Chủ chương trình hoàn chỉnh chương trình và dự thảo Quyết định đầu tư chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**Điều 40. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư**

1. Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân quyết định, chủ chương trình lập chương trình và tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Ủy ban nhân dân tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật này.

3. Chủ chương trình hoàn chỉnh chương trình và dự thảo Quyết định đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định.

**Điều 41. Trình tự lập, thẩm định, quyết định dự án**

1. Đối với dự án quan trọng quốc gia:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Quốc hội quyết định, chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án báo cáo cơ quan chủ quản xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước để thẩm định dự án;

c) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 44, khoản 2 Điều 45 của Luật này;

d) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư và cơ quan chủ quản hoàn chỉnh dự án báo cáo cơ quan chủ quản thông qua, gửi Hội đồng thẩm định nhà nước;

đ) Hội đồng thẩm định nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đầu tư dự án.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

b) Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công tổ chức thẩm định dự án;

c) Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật này;

d) Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư sau khi chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định quy định tại điểm c khoản này.

3. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan, trừ dự án quan trọng quốc gia.

***4. Trình tự, thẩm quyền, nội dung lập, thẩm định, quyết định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, trừ dự án quan trọng quốc gia.***

***5. Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch:***

***a) Căn cứ nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập dự toán chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch trình người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định;***

***b) Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công tổ chức thẩm định dự toán chuẩn bị đầu tư,nhiệm vụ quy hoạch;***

***c) Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công thẩm định các nội dung dự toán theo quy định hiện hành về tiêu chuẩn, định mức kinh phí chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;***

***d) Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư sau khi chủ đầu tư hoàn chỉnh tổng dự toán chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch theo ý kiến thẩm định quy định tại điểm c khoản này.***

***6. Trình tự, nội dung lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ.***

**Điều 43. Điều chỉnh chương trình, dự án**

1. Cấp có thẩm quyền quyết định chương trình theo quy định tại Điều 36 của Luật này thực hiện việc điều chỉnh chương trình trong các trường hợp sau:

a) Khi điều chỉnh mục tiêu và thay đổi điều kiện thực hiện trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Khi điều chỉnh hoặc dừng chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;

c) Do các nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, chi phí và thời gian thực hiện chương trình.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định dự án theo quy định tại Điều 36 của Luật này thực hiện việc điều chỉnh dự án trong các trường hợp sau:

a) Do các nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, chi phí và thời gian thực hiện dự án;

b) Do ảnh hưởng của sự cố thiên tai, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác khi đã hết thời gian bảo hiểm của dự án;

c) Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định;

d) Khi điều chỉnh quy hoạch ảnh hưởng trực tiếp tới dự án;

đ) Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Cấp có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh chương trình, dự án sau khi thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy định của Luật này.

***4. Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án và làm thay đổi phân loại dự án, cấp có thẩm quyền quyết định dự án tương ứng với phân loại dự án được điều chỉnh theo quy định tại Điều 36 của Luật này thực hiện việc điều chỉnh dự án.***

***5. Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chương trình, dự án phải thực hiện thủ tục, trình tự quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định dự án tương ứng với phân loại dự án sau khi được điều chỉnh theo quy định tại Điều 36 của Luật này.***

6. Trình tự, nội dung lập, thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án thực hiện theo quy định của Chính phủ.**Điều 44. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án**

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình đầu tư công gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Sự cần thiết đầu tư;

b) Đánh giá thực trạng của ngành, lĩnh vực thuộc mục tiêu và phạm vi của chương trình; những vấn đề cấp bách cần được giải quyết trong chương trình;

c) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, kết quả, các chỉ tiêu chủ yếu trong từng giai đoạn;

d) Phạm vi và quy mô của chương trình;

đ) Các dự án thành phần thuộc chương trình cần thực hiện để đạt được mục tiêu của chương trình, thứ tự ưu tiên và thời gian thực hiện các dự án thành phần;

e) Dự kiến tổng mức vốn để thực hiện chương trình, phân bổ vốn theo mục tiêu, dự án thành phần và thời gian thực hiện, nguồn vốn và phương án huy động vốn;

g) Dự kiến thời gian và tiến độ thực hiện chương trình;

h) Các giải pháp để thực hiện chương trình; cơ chế, chính sách áp dụng đối với chương trình; khả năng lồng ghép, phối hợp với các chương trình khác;

i) Yêu cầu hợp tác quốc tế (nếu có);

k) Tổ chức thực hiện chương trình;

l) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội chung của chương trình.

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không có cấu phần xây dựng bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Sự cần thiết đầu tư;

b) Đánh giá sự phù hợp với ***quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch***;

c) Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư;

d) Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư;

e) Phương án tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng dự án;

g) Đánh giá tác động môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường;

h) Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư;

i) Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư;

k) Xác định tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, phương án huy động vốn;

l) Xác định chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án;

m) Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ đầu tư, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án;

n) Phân tích hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, khả năng thu hồi vốn đầu tư (nếu có).

3. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 45. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định chương trình, dự án**

1. Hồ sơ thẩm định chương trình, dự án bao gồm:

a) Tờ trình thẩm định chương trình, dự án;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án;

c) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Nội dung, thời gian thẩm định chương trình, dự án theo quy định của Chính phủ.

**Chương II**

**LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO KẾ HOẠCH**

**ĐẦU TƯ CÔNG**

**Mục 1**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 46. Phân loại kế hoạch đầu tư công**

1. Phân loại kế hoạch đầu tư công theo thời hạn kế hoạch, bao gồm:

a) Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm được lập trong thời hạn 05 năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm;

***b) Kế hoạch đầu tư công 03 năm là kế hoạch đầu tư công được lập hằng năm cho thời gian 03 năm, trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, phù hợp với Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, được lập kể từ năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, theo phương thức cuốn chiếu. Kế hoạch này được lập cùng thời điểm lập kế hoạch đầu tư công hằng năm, dùng để dự báo khả năng thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm.***

c) Kế hoạch đầu tư công hằng năm để triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, phù hợp với mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và cân đối vốn đầu tư công hằng năm.

2. Phân loại kế hoạch đầu tư công theo cấp quản lý, bao gồm:

a) Kế hoạch đầu tư công của quốc gia;

b) Kế hoạch đầu tư công của các bộ, cơ quan trung ương;

c) Kế hoạch đầu tư công của các cấp chính quyền địa phương.

3. Phân loại kế hoạch đầu tư công theo nguồn vốn đầu tư, bao gồm:

a) Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, bao gồm đầu tư theo ngành, lĩnh vực, ***chương trình đầu tư công, phần vốn góp của ngân sách trung ương đối với các dự án PPP*** theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Kế hoạch đầu tư vốn cân đối ngân sách địa phương, bao gồm đầu tư theo ngành, lĩnh vực, ***chương trình đầu tư công, phần vốn góp của ngân sách địa phương đối với các dự án PPP*** theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Kế hoạch đầu tư vốn nhà nước ngoài ngân sách, ***bao gồm phần vốn góp sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách đối với các dự án PPP.***

**Điều 47. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm và hằng năm**

1. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm bao gồm:

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; chiến lược nợ quốc gia; mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 05 năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương;

***c) Quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;***

d) Nhu cầu và dự báo khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn khác của nhà nước chưa cân đối trong ngân sách nhà nước;

đ) Dự báo tác động của tình hình thế giới và trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư;

e) Cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công hằng năm bao gồm:

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước;

b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm;

c) Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm***;***

d) Nhu cầu và khả năng cân đối các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong năm kế hoạch.

**Điều 48. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm và hằng năm**

1. Phù hợp với các mục tiêu phát triển tại chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch đã được phê duyệt, kế hoạch tài chính quốc gia 05 năm, kế hoạch vay trả nợ công 05 năm.

2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; bảo đảm cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ theo mục tiêu và định hướng phát triển của từng thời kỳ.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng.

6. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho bộ, ***cơ quan trung ương*** và địa phương theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

7. Kế hoạch đầu tư công hằng năm phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm đã được phê duyệt***.***

**Điều 49. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt**

1. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư giai đoạn trước.

2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; mục tiêu, định hướng đầu tư trong trung hạn.

3. Khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn; dự kiến tổng mức đầu tư để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực trong trung hạn, bao gồm vốn thực hiện ***nhiệm vụ quy hoạch***, chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án, hoàn trả các khoản ứng trước, hoàn trả các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

4. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn.

***5. Sắp xếp thứ tự ưu tiên, cơ cấu dự án theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ, phù hợp với quy hoạch, khả năng cân đối vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm.***

6. Giải pháp thực hiện và dự kiến kết quả đạt được.

**Điều 51. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm**

1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

2. Định hướng đầu tư công trong năm kế hoạch.

3. Khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn thực hiện trong năm kế hoạch.

4. Lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án phù hợp với danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn ***05 năm*** và khả năng cân đối nguồn vốn kế hoạch hằng năm.

5. Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện và dự kiến kết quả đạt được.

**Điều 52. Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm và hằng năm cho chương trình, dự án**

1. Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

2. Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành.

4. Trong từng ngành, lĩnh vực, việc bố trí vốn thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

b) Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

c) Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

d) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

đ) Dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

e) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Việc bố trí vốn kế hoạch cho chương trình, dự án khởi công mới phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Chương trình, dự án cần thiết, có đủ điều kiện được bố trí vốn kế hoạch theo quy định tại Điều 53, Điều 54 và Điều 56 của Luật này;

b) Sau khi đã bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại ***khoản 2 Điều 104*** của Luật này;

c) Bảo đảm bố trí đủ vốn để hoàn thành chương trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

6. ***Quốc hội quyết định mức vốn dự phòng chung của Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm để xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn và thời điểm được sử dụng.***

**Điều 53. Chương trình, dự án thuộc danh mục trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:**

***1. Các dự án chuyển tiếp thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn trước.***

***2. Đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.***

***3. Đã được cấp có thẩm quyền quyết định nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch.***

**Điều 55. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm**

1. Chương trình, dự án phải có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm***, trừ dự án đầu tư công khẩn cấp***.

2. Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Dự án khởi công mới chỉ được bố trí vốn sau khi đã hoàn thành các thủ tục đầu tư ***và đáp ứng tỷ lệ bố trí vốn tối thiểu trong năm đầu khởi công theo quy định của Chính phủ, tương ứng với phân loại và quy mô dự án quy định tại các điều 7, 8, 9, 10 của Luật này.***

**Điều 56. Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch và vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm**

1. Vốn chuẩn bị đầu tư được bố trí để:

a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án;

b) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án;

2. Vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch được bố trí để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

***3. Vốn thực hiện dự án được bố trí để giải phóng mặt bằng, lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán của dự án hoặc hạng mục của dự án và tổ chức thi công cho các dự án đã hoàn thành nhưng chưa được bố trí đủ vốn, dự án dự kiến hoàn thành, dự án đang thực hiện, dự án khởi công mới.***

4. Việc cân đối vốn chuẩn bị đầu tư, ***vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch*** và vốn thực hiện dự án theo quy định của Chính phủ.

**Điều 57. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm**

1. Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, trên cơ sở các mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, bao gồm mục tiêu, định hướng và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Trước ngày 15 tháng 5 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.

3. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương:

a) Giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Giao cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng vốn đầu tư công lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét trước ngày 15 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và gửi cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

c) Giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trước ngày 15 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

d) Giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công lập kế hoạch đầu tư công trung hạn trình cấp có thẩm quyền xem xét, hoàn chỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

4. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Trước ngày 15 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

b) Giao cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý báo cáo cơ quan cấp trên xem xét trước ngày 15 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

c) Tổ chức thẩm định hoặc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của sở, ban, ngành thuộc tỉnh trước ngày 15 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

d) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

đ) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, bao gồm chi tiết danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư công và mức vốn bố trí cho từng dự án;

e) Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã lập, thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

6. Trước ngày 31 tháng 01 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Chính phủ xác định khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn sau.

7. Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 4 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương.

8. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

c) Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

9. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

10. Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn báo cáo Chính phủ.

***11. Trước ngày 20 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi trình Quốc hội xem xét, quyết định.***

**Điều 58. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công 03 năm và hằng năm**

1. Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, bao gồm mục tiêu, định hướng chủ yếu và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm sau ***và dự kiến 02 năm tiếp theo***.

2. Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công năm sau ***và dự kiến 02 năm tiếp theo***.

3. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công năm sau ***và dự kiến 02 năm tiếp theo***.

4. Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các cơ chuyên môn quản lý về đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau ***và dự kiến 02 năm tiếp theo*** trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.

5. Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau ***và dự kiến 02 năm tiếp theo***, bao gồm chi tiết danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn và gửi cơ quan cấp trên ở địa phương báo cáo dự kiến đã được Hội đồng nhân dân thông qua.

6. Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

7. Trước ngày 15 tháng 8 hằng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước và chi đầu tư vốn ngân sách nhà nước, phát hành công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm sau ***và dự kiến 02 năm tiếp theo***.

8. Trước ngày 31 tháng 8 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm sau ***và dự kiến 02 năm tiếp theo vốn ngân sách trung ương của bộ, cơ quan trung ương và địa phương.***

9. Trước ngày 10 tháng 9 hằng năm, sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau ***và dự kiến 02 năm tiếp theo,*** gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

10. Trước ngày 20 tháng 9 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau ***và dự kiến 02 năm tiếp theo*** của quốc gia báo cáo Chính phủ.

***11. Trước ngày 20 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi trình Quốc hội xem xét, quyết định.***

12. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm ***và dự kiến 02 năm tiếp theo*** do cấp huyện, cấp xã quản lý thực hiện theo quy định của Chính phủ.

**Mục 2**

**LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ VỐN KHÁC CỦA NHÀ NƯỚC CHƯA CÂN ĐỐI TRONG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ ĐẦU TƯ**

**Điều 59. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm và hằng năm vốn ngân sách nhà nước**

1. Thực hiện theo quy định tại các điều 52, 53, 54, 55 và 56 của Luật này.

2. Phù hợp với khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn ***05 năm*** và hằng năm, dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

3. Thuộc chương trình, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

4. Phù hợp nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trong kỳ kế hoạch.

5. Mức vốn bố trí cho từng chương trình, dự án không vượt quá tổng mức vốn của chương trình, dự án đã được phê duyệt***.***

**Điều 60. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm và hằng năm vốn ngân sách địa phương**

1. Thực hiện theo quy định tại các điều 52, 53, 54, 55, 56, khoản 5 và khoản 6 Điều 59 của Luật này.

2. Phù hợp với khả năng cân đối thu, chi ngân sách địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn ***05 năm*** và hằng năm, khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

3. Thuộc chương trình, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương đã được phê duyệt.

**Điều 61. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm và hằng năm vốn từ nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách của bộ, cơ quan trung ương và địa phương**

Việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách của bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo đúng mục tiêu quy định tại nghị quyết của Quốc hội, quy định của Chính phủ.

**Điều 62. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm vốn ngân sách nhà nước**

1. Trước ngày 01 tháng 10 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn trước, Chính phủ trình Quốc hội kế hoạch đầu tư trung hạn ***05 năm*** vốn ngân sách nhà nước giai đoạn sau.

2. Trước ngày 15 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn trước, Quốc hội quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn ***05 năm*** giai đoạn sau, bao gồm các nội dung sau:

a) Mục tiêu, định hướng đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước của cả nước;

b) Tổng mức vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước;

***c) Cơ cấu theo từng ngành, lĩnh vực;***

***d) Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương;***

c) Danh mục chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;

d) Giải pháp, chính sách chủ yếu để thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn.

3. Trước ngày 10 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn ***05 năm*** giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm ***tổng số vốn và cơ cấu vốn*** ngân sách nhà nước cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

***4. Giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết quy trình tổng hợp, giao kế hoạch trung hạn 05 vốn ngân sách nhà nước bằng hệ thống công nghệ thông tin.***

**Điều 63. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước**

1. Trước ngày 20 tháng 10 hằng năm, Chính phủ trình Quốc hội kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm sau.

2. Trước ngày 20 tháng 11 hằng năm, Quốc hội quyết định kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm sau.

3. Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm sau theo tổng mức vốn đã được Quốc hội quyết định cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

4. Trước ngày ***10 tháng 12 hằng năm***, ***Bộ Kế hoạch và Đầu tư*** giao chi tiết danh mục và tổng mức vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm sau và ***dự báo 02 năm tiếp theo*** cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

5. Trước ngày ***20 tháng 12 hằng năm***, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ chi tiết mức vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm sau và ***dự báo*** 02 năm tiếp theo cho từng dự án thuộc danh mục được thông báo quy định tại khoản 4 của Điều này, gửi phương án phân bổ chi tiết cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng hệ thống công nghệ thông tin.

6. Trước ***25 tháng 12 hằng năm***, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết danh mục và mức vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm sau và ***dự báo*** 02 năm tiếp theo bố trí đúng quy định của từng dự án cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

7. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương giao hoặc thông báo kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm sau và ***dự báo*** 02 năm tiếp theo cho các đơn vị.

***8. Trước 31 tháng 3 của năm kế hoạch, Chính phủ giao hoặc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của năm đó và dự báo 02 năm tiếp theo đối với số vốn bố trí chưa đúng quy định còn lại theo quy định tại Điều 72 của Luật này.***

**Điều 64. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm vốn ngân sách địa phương và vốn khác của nhà nước chưa cân đối trong ngân sách nhà nước của bộ, cơ quan trung ương và địa phương.**

***1. Đối với các bộ, cơ quan trung ương:***

***a) Trước ngày 10 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn trước, đơn vị chuyên môn về kế hoạch và đầu tư trình người đứng đầu cơ quan kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm danh mục chương trình, dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn.***

***b) Trước ngày 20 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn trước, người đứng đầu các cơ quan quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn, gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.***

***c) Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, người đứng đầu các cơ quan giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các đơn vị thực hiện.***

2. Đối với các địa phương:

a) Trước ngày 10 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm danh mục chương trình, dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn.

b) Trước ngày 20 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn trước, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn, gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

c) Trước ngày 25 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn trước, Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục và mức vốn ngân sách địa phương và vốn khác của nhà nước chưa cân đối trong ngân sách địa phương bố trí cho từng dự án.

d) Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các đơn vị thực hiện.

**Điều 65. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách địa phương và vốn nhà nước ngoài ngân sách của bộ, cơ quan trung ương và địa phương để đầu tư.**

***1. Đối với các bộ, cơ quan trung ương:***

***a) Trước ngày 20 tháng 11 hằng năm, đơn vị chuyên môn về kế hoạch và đầu tư trình người đứng đầu cơ quan kế hoạch đầu tư năm sau và dự báo 02 năm tiếp theo, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.***

***b) Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, người đứng đầu các cơ quan quyết định kế hoạch đầu tư năm sau và dự báo 02 năm tiếp theo của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn, gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.***

***c) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, người đứng đầu các cơ quan giao kế hoạch đầu tư năm sau và dự báo 02 năm tiếp theo cho các đơn vị thực hiện.***

2. Đối với các địa phương:

a) Trước ngày 20 tháng 11 hằng năm, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư năm sau ***và dự báo 02 tiếp theo***, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.

b) Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư năm sau ***và dự báo 02 tiếp theo*** của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.

c) Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư năm sau ***và dự báo 02 tiếp theo*** của cấp mình, bao gồm danh mục và ***mức vốn ngân sách địa phương và vốn khác của nhà nước chưa cân đối trong ngân sách địa phương*** bố trí cho từng dự án.

4. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch đầu tư năm sau ***và 02 tiếp theo*** cho các đơn vị thực hiện.

**Chương IV**

**THỰC HIỆN VÀ THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, THANH TRA**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG**

**Mục 1**

**TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG**

**Điều 68. Tổ chức điều hành kế hoạch đầu tư công**

1. Căn cứ nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm và hằng năm, Chính phủ quy định các giải pháp tổ chức, thực hiện.

2. Căn cứ nghị quyết của Quốc hội, quyết định giao kế hoạch của cấp có thẩm quyền, nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm và hằng năm, bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công quyết định các giải pháp tổ chức điều hành kế hoạch đầu tư công thuộc nguồn vốn do cấp mình quản lý.

3. Thủ tướng Chính phủ điều phối, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nhưng không làm thay đổi mục tiêu thực hiện của chương trình, dự án.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều phối, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn của nhà nước chưa cân đối trong ngân sách địa phương cấp tỉnh, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư nhưng không làm thay đổi mục tiêu thực hiện chương trình, dự án.

**Điều 69. Chấp hành kế hoạch đầu tư công**

1. Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công;

b) Báo cáo cấp có thẩm quyền về việc giao kế hoạch đầu tư công.

2. Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện kế hoạch theo quy định của Chính phủ.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc để bảo đảm việc giao, chấp hành kế hoạch đầu tư công theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

**Điều 70. Triển khai kế hoạch đầu tư công**

1. Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công:

a) Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công đúng mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ và kế hoạch vốn đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Lập kế hoạch và tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc dự án được bố trí vốn theo kế hoạch đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Tổ chức nghiệm thu và thanh toán, quyết toán theo đúng hợp đồng đối với gói thầu đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng;

đ) Cân đối các nguồn vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại ***khoản 2 Điều 103*** của Luật này;

e) Bảo đảm phạm vi, quy mô đầu tư của từng dự án thực hiện theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt và theo kế hoạch vốn đã được bố trí;

g) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đầu tư công.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, 03 năm và hằng năm của các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Bộ Tài chính bảo đảm thanh toán đủ vốn theo kế hoạch đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công.

**Điều 71. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công**

1. Quốc hội quyết định điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm và hằng năm vốn ngân sách nhà nước trong các trường hợp sau:

a) Do điều chỉnh mục tiêu của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia;

b) Do thay đổi đột biến về cân đối ngân sách nhà nước hoặc khả năng huy động các nguồn vốn.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm và hằng năm vốn ngân sách nhà nước giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm và hằng năm đã được Quốc hội quyết định.

3. Thủ tướng Chính phủ căn cứ tình hình cụ thể trong kỳ kế hoạch quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm vốn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được giao theo quy định tại khoản 3 Điều 63 của Luật này trong tổng mức vốn của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã được Quốc hội quyết định;

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì thẩm định phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm vốn ngân sách trung ương giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Chủ trì thẩm định phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm vốn ngân sách trung ương trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm trước quy định tại điểm này.

***5. Người đứng đầu các bộ, cơ quan trung ương:***

***a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách trung ương, vốn nhà nước ngoài ngân sách thuộc quản lý của cơ quan mình nhưng không vượt quá tổng mức đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch;***

***b) Gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương;***

***c) Giao hoặc thông báo kế hoạch đầu tư điều chỉnh cho các đơn vị để thực hiện.***

***6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:***

***a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu thuộc quản lý của cấp mình nhưng không vượt quá tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch;***

***b) Gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu;***

***c) Giao hoặc thông báo kế hoạch đầu tư điều chỉnh cho các đơn vị để thực hiện.***

7. Hội đồng nhân dân ***các cấp*** điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm và hằng năm vốn ngân sách địa phương, vốn nhà nước ngoài ngân sách địa phương để đầu tư ***do cấp đó quản lý*** trong các trường hợp sau:

a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;

c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

8. Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm, 03 năm và hằng năm vốn ngân sách địa phương, vốn nhà nước ngoài ngân sách địa phương để đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 72. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm và hằng năm**

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, ***vốn nhà nước ngoài ngân sách:***

a) Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước đến hết ngày ***31 tháng 01*** năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

b) Thời gian giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm được thực hiện đến ***ngày 31 tháng 01*** năm sau. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn cân đối ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau.

***2. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, phần vốn nước ngoài được giải ngân theo tiến độ thực hiện và tiến độ cấp vốn của nhà tài trợ nước ngoài, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.***

**Mục 2**

**THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, THANH TRA KẾ HOẠCH,**

**CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG**

**Điều 73. Theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công**

1. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công thuộc cơ quan, đơn vị quản lý.

2. Nội dung theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công bao gồm:

a) Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công;

c) Việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các chương trình, dự án được bố trí trong kế hoạch đầu tư công;

d) Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công;

đ) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản, lãng phí, thất thoát trong đầu tư công.

**Điều 74. Đánh giá kế hoạch đầu tư công**

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm được đánh giá giữa kỳ và khi kết thúc kế hoạch.

2. Kế hoạch đầu tư công hằng năm được đánh giá định kỳ hằng quý và hằng năm.

3. Nội dung đánh giá kế hoạch đầu tư công:

a) Mức độ đạt được so với kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tác động của kế hoạch đầu tư công trong việc thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác và kết quả phát triển kinh tế - xã hội;

c) Tính khả thi của kế hoạch đầu tư công;

d) Tình hình quản lý đầu tư công;

đ) Các tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và các giải pháp xử lý.

**Điều 75. Theo dõi, kiểm tra chương trình, dự án**

1. Cơ quan chủ quản, chủ chương trình và chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình đầu tư chương trình, dự án theo nội dung và các chỉ tiêu đã được phê duyệt nhằm bảo đảm mục tiêu và hiệu quả đầu tư.

2. Việc kiểm tra chương trình, dự án thực hiện như sau:

a) Chủ chương trình và chủ đầu tư kiểm tra chương trình, dự án được giao quản lý;

b) Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư tổ chức kiểm tra ít nhất một lần đối với các chương trình, dự án có thời gian thực hiện trên 12 tháng;

c) Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư tổ chức kiểm tra khi điều chỉnh chương trình, dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư và trường hợp cần thiết khác;

d) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quyết định tổ chức kiểm tra chương trình, dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

**Điều 76. Đánh giá chương trình, dự án**

1. Đánh giá chương trình, dự án bao gồm đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động và đánh giá đột xuất.

2. Đối với chương trình đầu tư công, phải thực hiện đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động.

3. Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A phải thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động.

4. Đối với dự án nhóm B, nhóm C phải thực hiện đánh giá kết thúc và đánh giá tác động.

5. Ngoài các quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này, cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quyết định thực hiện đánh giá khác quy định tại khoản 1 Điều này khi cần thiết.

**Điều 77. Nội dung đánh giá chương trình, dự án**

1. Nội dung đánh giá ban đầu bao gồm:

a) Công tác chuẩn bị, tổ chức, huy động các nguồn lực để thực hiện chương trình, dự án bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ đã được phê duyệt;

b) Những vướng mắc, phát sinh mới xuất hiện so với thời điểm phê duyệt chương trình, dự án;

c) Đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Nội dung đánh giá giữa kỳ hoặc đánh giá giai đoạn bao gồm:

a) Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án so với mục tiêu đầu tư;

b) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt;

c) Đề xuất các giải pháp cần thiết, kể cả việc điều chỉnh chương trình, dự án.

3. Nội dung đánh giá kết thúc bao gồm:

a) Quá trình thực hiện chương trình, dự án: hoạt động quản lý thực hiện chương trình, dự án; kết quả thực hiện các mục tiêu của chương trình, dự án; các nguồn lực đã huy động; các lợi ích do chương trình, dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng; các tác động, tính bền vững của chương trình, dự án;

b) Bài học rút ra sau quá trình thực hiện chương trình, dự án và đề xuất các khuyến nghị cần thiết; trách nhiệm của các tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ chương trình, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Nội dung đánh giá tác động của chương trình, dự án bao gồm:

a) Thực trạng kinh tế - kỹ thuật vận hành;

b) Tác động kinh tế - xã hội;

c) Tác động môi trường, sinh thái;

d) Tính bền vững của dự án;

đ) Bài học rút ra từ chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện, vận hành chương trình, dự án; trách nhiệm của các tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ chương trình, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Nội dung đánh giá đột xuất bao gồm:

a) Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án đến thời điểm đánh giá so với mục tiêu đầu tư;

b) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt;

c) Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có) và nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của những phát sinh ngoài dự án đến việc thực hiện chương trình, dự án, khả năng hoàn thành các mục tiêu của chương trình, dự án;

đ) Đề xuất các giải pháp cần thiết.

**Điều 78. Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Các chương trình, dự án chịu sự giám sát của cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Cơ quan chủ quản tham khảo ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với việc quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động lớn đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án về chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định canh, định cư theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường;

b) Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định canh, định cư bảo đảm quyền lợi của nhân dân;

c) Các chương trình, dự án sử dụng một phần vốn đóng góp của người dân;

d) Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án;

đ) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư công theo quy định tại Điều 14 của Luật này;

e) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

**Điều 79. Trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan:

a) Lập kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình, dự án hằng năm trên địa bàn theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật này;

b) Thành lập Ban giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án;

c) Thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư và Ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện.

2. Chủ chương trình, chủ đầu tư và Ban Quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật này cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp thu ý kiến giám sát và tăng cường các biện pháp thực hiện dự án.

**Điều 80. Tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án**

1. Chủ chương trình và chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra và đánh giá ban đầu, giữa kỳ và kết thúc chương trình, dự án.

2. Cơ quan chủ quản, người quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra và đánh giá tác động, đánh giá đột xuất chương trình, dự án được giao quản lý.

3. Cơ quan, tổ chức thực hiện đánh giá tự thực hiện hoặc thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn có đủ điều kiện, năng lực để đánh giá.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án và giám sát đầu tư của cộng đồng.

**Điều 81. Thanh tra đầu tư công**

1. Hoạt động thanh tra việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thanh tra hoạt động đầu tư công phải gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ thanh tra của các cơ quan, tổ chức và phải đúng trình tự, thủ tục thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.

3. Kết luận thanh tra về hoạt động đầu tư công được công khai theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư công, cơ quan thanh tra xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

**Chương V**

**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÔNG**

**Điều 82. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội**

1. Ban hành luật, nghị quyết về đầu tư công.

2. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn đầu tư công.

3. Quyết định và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm và hằng năm.

4. Điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia.

5. Giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; giám sát việc thực hiện pháp luật về đầu tư công.

**Điều 82a. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

1. Ban hành nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng thời kỳ;

2. Ban hành nghị quyết về danh mục các dự án đầu tư công trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, cơ cấu đã được Quốc hội quyết định, phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí, định mức trong từng thời kỳ;

3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm và hằng năm giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm và hằng năm đã được Quốc hội quyết định;

4. Điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Luật này;

5. Giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; giám sát việc thực hiện pháp luật về đầu tư công.

**Điều 83. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ**

1. Thống nhất quản lý nhà nước về đầu tư công.

2. Trình Quốc hội ban hành luật, nghị quyết; trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh, nghị quyết về đầu tư công.

3. Ban hành văn bản pháp luật về quản lý đầu tư công.

4. Trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia.

5. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này.

6. Lập và trình Quốc hội quyết định, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

7. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

8. Báo cáo Quốc hội về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia.

9. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; kiểm tra thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chính sách đầu tư công của các địa phương.

**Điều 83. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ**

1. Chỉ đạo xây dựng phương án, danh mục các dự án đầu tư công trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Ban hành Quyết định giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm trên cơ sở Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

3. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật này.

**Điều 84. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về đầu tư công.

2. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư công, các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ***báo cáo Chính phủ*** xác định tổng vốn đầu tư ***ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển*** trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm và hằng năm.

4. Tổng hợp trình Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia.

***5. Tổng hợp trình Chính phủ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia.***

6. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; làm đầu mối vận động, điều phối, quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ***các dự án có sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư.***

8. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về các chương trình mục tiêu quốc gia.

9. Tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án và các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác về đầu tư công.

**Điều 85. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính**

1. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm.

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư ***báo cáo Chính phủ*** xác định tổng vốn đầu tư nguồn ***ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển*** trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm và hằng năm.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các cơ quan tài chính của địa phương cân đối kinh phí thường xuyên để thanh toán các chi phí lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt quyết định đầu tư các chương trình và bảo trì, vận hành các dự án đưa vào sử dụng.

***4. Chủ trì hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.***

5. Báo cáo Chính phủ tình hình giải ngân, quyết toán kế hoạch, chương trình, dự án.

**Điều 86. Nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan trung ương**

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư công theo quy định của pháp luật.

2. Ban hành, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án ***sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan mình và phần vốn đầu tư công thuộc quản lý của cơ quan mình tham gia trong các dự án đầu tư công thuộc quản lý của cơ quan khác.***

3. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này và quyết định đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này.

4. Tổ chức lập kế hoạch đầu tư công.

5. Theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý.

6. Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án.

7. Phối hợp với bộ, ***cơ quan trung ương*** và địa phương thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**Điều 87. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp**

1. Hội đồng nhân dân các cấp có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư bằng toàn bộ vốn ngân sách địa phương, vốn nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư;

b) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại ***khoản 5 và khoản 6 Điều 17*** của Luật này;

c) Xem xét, có ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn ***05 năm*** và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án ***vốn ngân sách trung ương***;

d) Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn ***05 năm*** và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý và các nguồn vốn khác của địa phương để đầu tư;

đ) Giám sát các dự án sử dụng vốn đầu tư công được giao cho địa phương quản lý, bao gồm cả vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương, vốn nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý và các nguồn vốn khác của địa phương để đầu tư.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xem xét, có ý kiến về chủ trương đầu tư dự án nhóm A do địa phương quản lý;

b) Quyết định tiêu chí dự án trọng điểm của địa phương phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương.

**Điều 88. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân:**

***1. Thường trực Hội đồng nhân dân được phép thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cùng cấp được quy định tại khoản 1 Điều 87 trong thời gian giữa các kỳ họp Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.***

***2. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được phép thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 87 trong thời gian giữa các kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất.***

**Điều 89. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư công trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư bằng toàn bộ vốn ngân sách địa phương, vốn nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư;

b) Xem xét, có ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại ***khoản 3 Điều 17*** của Luật này;

c) Xem xét, có ý kiến về kế hoạch đầu tư trung hạn ***05 năm*** và hằng năm vốn ngân sách trung ương theo danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án;

d) Quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn ***05 năm*** và hằng năm vốn ngân sách địa phương, vốn nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

3. Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại ***khoản 7*** Điều 17 của Luật này và quyết định đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại ***khoản 3 Điều 36*** của Luật này.

4. Được phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan cấp dưới quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B, nhóm C thuộc cấp tỉnh quản lý, trừ dự án quy định tại ***điểm c khoản 1 Điều 36*** của Luật này.

5. Tổ chức triển khai thực hiện và theo dõi, đánh giá kế hoạch đầu tư công thuộc nguồn vốn đầu tư công do cấp mình quản lý.

6. Phối hợp với bộ, cơ quan trung ương tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

**Điều 90. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

1. Tổ chức lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thuộc cấp mình quản lý.

2. Tổ chức thẩm định chương trình, dự án thuộc cấp mình quản lý.

3. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp:

a) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư bằng toàn bộ vốn ngân sách địa phương theo phân cấp nguồn vốn và vốn nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý cấp huyện, cấp xã theo thẩm quyền;

b) Tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại ***khoản 3 Điều 17*** của Luật này và của Hội đồng nhân dân cấp trên;

c) Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thuộc cấp mình quản lý theo quy định tại ***điểm b khoản 6 Điều 17*** của Luật này;

d) Quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn ***05 năm*** và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương và vốn nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý cấp huyện, cấp xã.

4. Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại ***khoản 7 Điều 17*** của Luật này và quyết định đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại ***khoản 4 Điều 36*** của Luật này.

5. Tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án và các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác về đầu tư công theo phân cấp quản lý.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá chương trình, dự án trên địa bàn.

**Điều 91. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán Nhà nước**

1. Quyết định kế hoạch kiểm toán hằng năm về kế hoạch, chương trình, dự án và báo cáo Quốc hội trước khi thực hiện.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán hằng năm, kiểm toán chuyên đề và thực hiện kiểm toán về kế hoạch, chương trình, dự án theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Báo cáo Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội kết quả kiểm toán năm, kiểm toán chuyên đề và kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán về kế hoạch, chương trình, dự án.

4. Tổ chức công bố, công khai báo cáo kiểm toán về kế hoạch, chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

**Điều 92. Nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

1. Chủ trì tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng các chương trình, dự án theo quy định tại ***khoản 1 và khoản 3 Điều 78*** của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng về chủ trương đầu tư các chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định tại ***khoản 2 Điều 78*** của Luật này và theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

**Điều 93. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc đề xuất chủ trương đầu tư**

1. Đề xuất chương trình, dự án phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ***và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch*** trong từng thời kỳ.

2. Bảo đảm huy động và cân đối được nguồn lực để thực hiện chương trình, dự án hoàn thành đúng tiến độ, thời gian quy định.

3. Đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư khi chương trình không trùng lặp với chương trình khác và với nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu liên quan đến chương trình, dự án đề xuất.

**Điều 94. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đứng đầu tổ chức quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đáp ứng quy định tại Điều 18 của Luật này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại các ***khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 17*** của Luật này quyết định chủ trương đầu tư sai, kém hiệu quả, không cân đối được vốn để thực hiện gây thất thoát, lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập, thẩm định có hành vi vi phạm dẫn đến quyết định chủ trương đầu tư sai, kém hiệu quả thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật

**Điều 95. Quyền và trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư liên quan đến lập chương trình, dự án**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định.

2. Cung cấp các tài liệu cần thiết cho các cơ quan thẩm định, thẩm tra chương trình, dự án.

3. Đề xuất các giải pháp huy động các nguồn vốn để thực hiện chương trình, dự án theo đúng tiến độ, thời gian quy định.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về lập chương trình, dự án. Trường hợp có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 96. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quyết định đầu tư chương trình, dự án**

1. Quyết định đầu tư chương trình, dự án đúng chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phù hợp với khả năng cân đối vốn thuộc nguồn vốn cấp mình quản lý, theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong đầu tư và kết quả thẩm định. Trường hợp quyết định đầu tư sai, dẫn đến đầu tư kém hiệu quả, dàn trải, thất thoát, lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thẩm định chương trình, dự án trước khi phê duyệt, bao gồm thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

3. Cân đối vốn để thanh toán các chi phí lập, thẩm định chương trình, dự án thuộc cấp mình quản lý.

4. Chỉ đạo chủ chương trình, chủ đầu tư thực hiện chương trình, dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng trong phạm vi kế hoạch đầu tư được duyệt.

5. Quyết định việc điều chỉnh, tạm ngừng, hủy bỏ chương trình, dự án.

6. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá chương trình, dự án và hoạt động của chủ chương trình, chủ đầu tư trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi vi phạm các quy định về thẩm quyền trong quá trình lựa chọn chủ chương trình, chủ đầu tư.

**Điều 97. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tư vấn thiết kế chương trình, dự án**

1. Tổ chức tư vấn thiết kế có quyền yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc thiết kế chương trình, dự án.

2. Thiết kế chương trình, dự án theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức và các giải pháp kỹ thuật bảo đảm chất lượng; không được thiết kế vượt quá quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức quy định.

3. Chịu trách nhiệm về kết quả thiết kế chương trình, dự án. Trường hợp thiết kế sai, dẫn đến đầu tư kém hiệu quả, thất thoát, lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 98. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thẩm định kế hoạch, chương trình, dự án**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thẩm định kế hoạch, chương trình, dự án thực hiện việc thẩm định theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định và những kiến nghị của mình.

2. Việc thẩm định cần bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan, tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp thẩm định sai thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 99. Quyền và trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư trong quản lý, thực hiện chương trình, dự án**

1. Tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án, bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng.

2. Báo cáo việc thực hiện chương trình, dự án theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp để xảy ra thất thoát, lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 100. Quyền và trách nhiệm của Ban Quản lý chương trình, dự án**

1. Đề xuất các phương án, giải pháp và tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng theo ủy quyền của chủ chương trình, chủ đầu tư.

2. Báo cáo chủ chương trình, chủ đầu tư về tình hình triển khai thực hiện chương trình, dự án.

3. Trường hợp để xảy ra thất thoát, lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 101. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo dõi, đánh giá và kiểm tra kế hoạch, chương trình, dự án**

1. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, chủ chương trình, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về hậu quả do không tổ chức thực hiện theo dõi, đánh giá, kiểm tra kế hoạch, chương trình, dự án hoặc không báo cáo theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án phải chịu trách nhiệm về nội dung các báo cáo của mình.

3. Chủ chương trình, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật do báo cáo, cung cấp thông tin không chính xác về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi quản lý.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án có hành vi che giấu vi phạm hoặc hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 102. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia**

***1. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công được xây dựng, triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công, bao gồm việc tổng hợp, báo cáo, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, 3 năm và hằng năm; theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công; quản lý, lưu trữ, công khai dữ liệu theo quy định.***

***2. Trách nhiệm xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công:***

***a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xây dựng, quản lý, triển khai hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công;***

***b) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương triển khai ứng dụng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công trong phạm vi quản lý.***

***3. Thông tin, dữ liệu thuộc hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công là thông tin, dữ liệu gốc của các chương trình, dự án và kế hoạch đầu tư công.***

***4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.***

**Điều 103. Xử lý vi phạm**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 104. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Việc xử lý các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được bố trí vốn được quy định như sau:

a) Đối với chương trình, dự án quan trọng quốc gia, tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội và quyết định đầu tư của Chính phủ;

b) Đối với chương trình, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiếp tục thực hiện theo kế hoạch;

c) Đối với chương trình, dự án chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định của Luật này.

***d) Đối với chương trình, dự án đang trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật số 49/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ có liên quan.***

2. Chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh ***trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.***

**Điều 105.Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13**

***Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 như sau “a) Quyết định đầu tư đối với các đối tượng quy định tại Điều 18 của Luật này. Đối với các trường hợp pháp luật quy định dự án phải quyết định chủ trương đầu tư, cấp có thẩm quyền căn cứ đánh giá sơ bộ tác động môi trường để quyết định chủ trương đầu tư đối với các đối tượng quy định tại Điều 18 của Luật này. Chính phủ quy định chi tiết đánh giá sơ bộ tác động môi trường.”***

**Điều 106. Hiệu lực thi hành**

Luật này ***thay thế cho Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 và*** có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

**Điều 107. Quy định chi tiết**

Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ .... thông qua ngày .... tháng .... năm .....*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI